

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 23 - 7 - 2024

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Hiếu Nhường**.

Bà **Dương Thị Lệ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải T, sinh năm 1985.

Quốc tịch: Úc;

Địa chỉ: số F M Court S, V, A.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị T1:
Luật sư Phạm Văn D – VPLS Trung Nhân, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: số D, đường H, khu phố B, Phường A, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có đơn xin vắng mặt, chị T1 và luật sư vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hải T trình bày:

Anh và chị T1 tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Thời gian

đầu anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn xung đột, do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, anh chị đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, cụ thể: Anh T sinh sống làm việc ở nước ngoài nhưng chưa đủ điều kiện để bảo lãnh chị T1 xuất cảnh để sống chung với anh T, còn chị T1 bận việc làm ở Việt Nam, cũng không đủ điều kiện xuất cảnh để sống cùng anh T; Mặt khác, chị T1 cũng nằm trong danh sách bị cấm nhập cảnh nước Úc, nên từ đó phát sinh nhiều xung khắc bất đồng giữa anh T và chị T1 không thể sống chung cùng nhau được.

Anh T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thực tế anh và chị T1 đã ly thân mạnh ai nấy sống từ năm 2019 đến nay đã hơn 04 năm. Nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, xin giải quyết vắng mặt anh T và ủy quyền cho chị Bùi Thị Yến X nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án.

Theo đơn phản tố ngày 12/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T1 thống nhất với anh T về thời gian kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Chị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hải T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản:

a- Nhà:

- Căn nhà (ở nước Úc) số 46 Pritchard S, tên T3;

- Căn nhà (ở nước Úc) số C Murray C, tên T3;

- Căn nhà (ở Việt Nam) số G, đường H, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Chị T1 yêu cầu chia theo qui định của pháp luật.

b- Xe ô tô:

- Xe ô tô (ở nước Úc) hiệu Audi TTS coupe/ Blue, biển số GOCONG tên Triệu N, mua ngày 19/06/2020.

- Xe ô tô (ở nước Úc) hiệu Nissan Pathfinder/ Grey, không nhớ biển số tên T2 nguyên, mua năm 2017.

- Xe ô tô (ở nước Úc) hiệu Nissan Murano/ White, biển số IC CCO PHO tên Triệu N, mua khoảng năm 2021.

Ba chiếc xe chị T1 yêu cầu được chia đôi.

- c- Tiền cho thuê 2 căn nhà, chị T1 yêu cầu được chia đôi.

d- Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Yêu cầu anh T trợ cấp khó khăn một lần khi ly hôn là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 06/6/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hải T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải T, cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hải T khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Nguyễn Hải T đang sinh sống và làm việc tại Úc, bị đơn chị Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Hải T có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T1 và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T1 và luật sư theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải T về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hải T và chị Nguyễn Thị T1 kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 37 ngày 25/6/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Hải T và chị Nguyễn Thị T1 thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Kể từ năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, anh chị đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc khác chị T1 cũng không thể xuất cảnh sang Úc để sống cùng anh T nên từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thực tế anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên anh T và chị T1 thống nhất yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Theo đơn phản tố ngày 12/12/2023 của chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu chia tài sản chung của anh chị, tuy nhiên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã gửi Thông báo số 38/TB-TA ngày 22/12/2023 cho chị T1 yêu cầu sửa chữa bổ sung đơn phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của chị nhưng hết thời hạn trong thông báo chị T1 không thực hiện nên Tòa án Thông báo trả lại đơn phản tố số 01/TB-TA ngày 05/4/2023 của chị Nguyễn Thị T1 và tại phiên hòa giải ngày 06/6/2024 chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét việc thuận tình ly hôn của anh T và chị T1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Hải T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hải T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hải T và chị Nguyễn Thị T1.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hải T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008922 ngày 04/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Anh T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Anh Nguyễn Hải T cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã Phường 2, thị xã G, Tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ